

**BÁO CÁO**  
**Kết quả xét công nhận các danh hiệu văn hóa năm 2022**

Kính gửi: Đoàn Kiểm tra Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Tháp

Thực hiện Kế hoạch số 55/KH-ĐKT ngày 26/10/2022 của Đoàn kiểm tra Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh về kiểm tra chuyên đề về công tác bình xét các danh hiệu văn hóa trong Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2022, Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười báo cáo kết quả xét công nhận các danh hiệu văn hóa năm 2022, cụ thể như sau:

**I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VIỆC ĐÁNH GIÁ VÀ CÔNG NHẬN CÁC DANH HIỆU VĂN HÓA NĂM 2022**

**1. Ban Chỉ đạo cấp huyện**

Sau khi tiếp thu hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Phong trào “TĐĐKXDĐSVH” tỉnh Đồng Tháp tại Hội nghị trực tuyến tập huấn công tác Phong trào, gia đình; Tiêu chí số 06 và 16 trong Bộ tiêu chí Quốc gia xây dựng nông thôn mới; thực hiện Đề án phát huy giá trị đình làng tỉnh Đồng Tháp năm 2022 ngày 03/10/2022, Ban Chỉ đạo Khôi Văn hóa – Xã hội huyện ban hành Công văn số 5954/BCĐ ngày 03/10/2022 về việc đánh giá và công nhận các danh hiệu văn hóa trong Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trên địa bàn huyện Tháp Mười năm 2022. Phối hợp với các ngành triển khai và hướng dẫn thực hiện công tác bình xét Gia đình văn hóa cho Ban Công tác các xã, thị trấn; Ban Vận động ấp, khóm và Tổ nhân dân tự quản đảm bảo theo thời gian quy định. Các xã đều thực hiện đảm bảo theo thủ tục hành chính công nhận danh hiệu văn hóa, đa số nộp hồ sơ với hình thức dịch vụ công trực tuyến.

Việc phân bổ kinh phí thực hiện Phong trào năm 2022 được giao: cấp huyện 80 triệu đồng; kinh phí tập huấn Tổ Nhân dân tự quản 30 triệu đồng.

**2. Ban Công tác cấp xã, thị trấn**

- Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, phối hợp triển khai thực hiện Kế hoạch số 1807/KH-BCĐ ngày 08/4/2022 của Ban Chỉ đạo Khôi Văn hóa - Xã hội huyện về việc thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” huyện Tháp Mười năm 2022; Công văn số 5954/BCĐ ngày 03/10/2022 của Ban Chỉ đạo Khôi Văn hóa - Xã hội về việc đánh giá và công nhận các danh hiệu văn hóa trong phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trên địa bàn huyện Tháp Mười năm 2022; Quyết định số 548/QĐ-UBND.HC

ngày 12/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về tiêu chuẩn và trình tự đánh giá, công nhận các danh hiệu văn hóa trong Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Thực hiện thủ tục hành chính công nhận danh hiệu văn hóa ở cấp xã, thị trấn là công nhận các hộ gia đình đạt danh hiệu Gia đình văn hóa.

- Ban Công tác các xã, thị trấn căn cứ vào văn bản chỉ đạo của Ban Chỉ đạo huyện xây dựng Kế hoạch bình xét các danh hiệu văn hóa năm 2022 và gửi lịch bình xét về Phòng Văn hóa và Thông tin huyện tổng hợp.

- Kết quả bình xét Gia đình văn hóa đạt 34.012/34.977 hộ, đạt 97,24%; Gia đình văn hóa đạt 3 năm liên tục 29.184/34.977 hộ, đạt 83,44%. Trong đó Gia đình được khen thưởng là 2.326 hộ, đạt tỷ lệ 7,97%. (Có phụ lục kèm theo)

- Tình hình chi sử dụng kinh phí của Ban công tác (gồm kinh phí được cấp và kinh phí xã hội hóa): 05 triệu/năm.

## **2. Ban Vận động khóm, ấp và Tổ**

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, phối hợp triển khai thực hiện Kế hoạch của Ban Công tác tổ chức bình xét các danh hiệu văn hóa năm 2022. Ban Vận động các ấp, khóm đã xây dựng kế hoạch bình xét danh hiệu “Gia đình văn hóa” năm 2022.

- Ban Vận động ấp phân công thành viên Ban Vận động phụ trách theo lĩnh vực của phong trào; phụ trách Tổ nhân dân tự quản, có thời gian cụ thể.

- Thời gian bình xét Gia đình văn hóa tại 1007 Tổ nhân dân tự quản bắt đầu từ ngày 08/10/2022 đến ngày 21/10/2022. Tại buổi bình xét luôn có thành viên Ban Chỉ đạo huyện tham dự và giám sát quy trình thực hiện theo quy định.

- Tình hình sử dụng kinh phí của BVĐ ấp (gồm kinh phí được cấp và kinh phí xã hội hóa): 05 triệu/năm/ấp.

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Đối với danh hiệu Gia đình văn hóa**

- Thuận lợi: Được sự quan tâm, hướng dẫn thực hiện của Ban Chỉ đạo các cấp nên công tác triển khai thực hiện đồng bộ từ tỉnh, huyện, xã và Ban Vận động ấp.

- Khó khăn và nguyên nhân: Một số Tổ nhân dân tự quản còn lúng túng trong sinh hoạt, chưa điều hành tốt chương trình bình xét. Nguyên nhân, do trình độ của các Tổ trưởng, Tổ phó Tổ nhân dân tự quản còn hạn chế.

- Giải pháp: Tăng cường hướng dẫn tổ chức sinh hoạt tại Tổ nhân dân tự quản, nhất là quy trình bình xét Gia đình văn hóa.

### **2. Đối với danh hiệu ấp, xã văn hóa nông thôn mới; Khóm, thị trấn văn minh đô thị**

- Thuận lợi: Quy trình đánh giá, hướng dẫn đánh giá các danh hiệu tại Quyết định số 548/QĐ-UBND.HC ngày 12/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể, rõ ràng, đảm bảo tốt cho công tác triển khai thực hiện.

- Khó khăn và nguyên nhân: Các vụ việc về an ninh trật tự trên địa bàn có xu hướng tăng, xảy ra khá phức tạp, dễ rơi vào điểm liệt không xét Ấp văn hóa nông thôn mới, Khóm văn minh đô thị. Nguyên nhân, do một bộ phận người dân có ý thức chấp hành pháp luật chưa cao. Đối với Xã văn hóa nông thôn mới, Thị trấn văn minh đô thị 2 năm liên tục và 5 năm liên tục chưa có hướng dẫn thực hiện khen thưởng theo quy định.

- Giải pháp: Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chấp hành pháp luật của người dân.

### **3. Việc công nhận các danh hiệu văn hóa trong Phong trào “TĐĐKXDĐSVH” theo quy trình thủ tục hành chính**

- Thuận lợi: Được sự hỗ trợ và hướng dẫn cụ thể, thực hiện tốt theo quy trình thủ tục.

- Khó khăn và nguyên nhân: Không có.

### **III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

**Đối với cấp tỉnh:** Sớm hướng dẫn và thực hiện công tác khen thưởng đối với Xã văn hóa nông thôn mới, Thị trấn văn minh đô thị 2 năm liên tục và 5 năm liên tục.

Trên đây là Báo cáo kết quả xét công nhận các danh hiệu văn hóa năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- TV BCĐ phụ trách PT TĐĐKXDĐSVH huyện;
- LĐVP;
- Lưu: VT, NC(Thiên).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Hiệp**

**BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU CÁC DANH HIỆU VĂN HÓA NĂM 2022**  
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện)

**Biểu 1. Số liệu Gia đình văn hóa năm 2022 và đăng ký năm 2023**

T T	Xã, thị trần	TS hộ năm 2022	TS hộ đăng ký năm 2022		TS hộ đạt tiêu chuẩn GĐVH		TS Hộ không đạt GĐVH		Gia đình có trẻ em				Gia đình không có trẻ em				Hộ đạt 03 năm liên tục (2020 – 2022)				TS hộ GĐ năm 2023				
			TS hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %	TS hộ	Tỷ lệ %	TS hộ	Số hộ đạt tiêu chuẩn	Tỷ lệ %	Số hộ không đạt	Tỷ lệ %	TS hộ	Số hộ đạt tiêu chuẩn	Tỷ lệ %	Số hộ khô ng đạt	Tỷ lệ %	TS hộ	Hộ đạt 03 năm liên tục	Tỷ lệ %	Số hộ khen thưởng	TS hộ	Số hộ ĐK 2023	Tỷ lệ %
1	Thị trần Mỹ An	5.367	5.367	100	5.154	96,03	144	2,68	2.698	2.583	95,77	15	0,56	2.669	2.571	96,33	129	4,83	5.367	4.779	89,04	140	5.367	5.367	100
2	Xã Hung Thanh	2.167	2.167	100	2.144	98,94	23	1,06	1.356	1.343	99,04	13	0,96	811	801	98,77	10	1,23	2.167	1.959	90,40	125	2.167	2.167	100
3	Xã Trường Xuân	2.457	2.457	100	2.447	99,59	10	0,41	777	774	99,61	3	0,39	1.680	1.673	99,58	7	0,42	2.457	1.625	66,14	80	2.457	2.457	100
4	Xã Mỹ Hòa	2.500	2.500	100	2.387	95,48	33	5,33	1.319	1.225	92,87	19	1,44	1.181	1.162	98,39	114	9,65	2.500	2.234	89,36	110	2.500	2.500	100
5	Xã Tân Kiều	2.520	2.520	100	2.449	97,18	70	2,78	2.100	2.039	97,10	9	0,43	420	411	97,86	61	14,5 2	2.520	1.992	79,05	120	2.520	2.520	100
6	Độc Bình Kiều	3.186	3.186	100	3.050	95,73	118	3,70	1.829	1.828	99,95	1	0,05	1.357	1.240	91,38	117	8,62	3.186	1.912	60,01	287	3.186	3.186	100
7	Xã Mỹ An	1.789	1.789	100	1.729	96,65	83	4,64	1.102	1.010	91,65	50	4,54	687	575	83,70	33	4,80	1.789	1.450	81,05	218	1.789	1.789	100
8	Xã Phú Điền	3.243	3.243	100	3.173	97,84	91	2,81	2.854	2.626	92,01	79	2,77	389	346	88,95	12	3,08	3.243	3.011	92,85	448	3.243	3.243	100
9	Xã Thanh Mỹ	3.503	3.503	100	3.465	98,92	38	1,08	1.541	1.541	100	38	2,47	1.962	1.923	98,01	-	0,00	3.503	2.983	85,16	447	3.503	3.503	100
10	Xã Mỹ Quý	3.787	3.787	100	3.612	95,38	175	4,62	2.228	2.205	98,97	35	1,57	1.382	1.349	97,61	140	10,1 3	3.787	3.219	85,00	110	3.787	3.787	100
11	Xã Mỹ Đông	2.081	2.081	100	2.060	98,99	21	1,01	1.244	1.241	99,76	3	0,24	837	819	97,85	18	2,15	2.081	1.941	93,27	68	2.081	2.081	100
12	Xã Láng Biển	1.150	1.150	100	1.134	98,61	16	1,39	864	845	97,80	4	0,46	286	286	100	12	4,20	1.150	1.034	89,91	62	1.150	1.150	100
13	Xã Thanh Lợi	1.227	1.227	100	1.208	98,45	19	1,55	654	649	99,24	5	0,76	573	559	97,56	14	2,44	1.227	1.045	85,17	111	1.227	1.227	100
<b>Tổng cộng</b>		<b>34.977</b>	<b>34.977</b>	<b>100</b>	<b>34.012</b>	<b>97,24</b>	<b>941</b>	<b>2,69</b>	<b>20.566</b>	<b>19.909</b>	<b>96,81</b>	<b>274</b>	<b>1,33</b>	<b>4.234</b>	<b>13.715</b>	<b>96,35</b>	<b>667</b>	<b>4,69</b>	<b>34.977</b>	<b>29.184</b>	<b>83,44</b>	<b>2.326</b>	<b>34977</b>	<b>34977</b>	<b>100</b>

**Biểu 2. Số liệu Áp văn hóa nông thôn mới, Khóm văn minh đô thị năm 2022**

TT	Xã, phường, thị trấn	Khóm văn minh đô thị, Áp văn hóa nông thôn mới							
		Khóm văn minh đô thị				Áp văn hóa nông thôn mới			
		Tổng số Khóm	Số đăng ký	Đạt tiêu chuẩn	Tỷ lệ %	Tổng số Áp	Số đăng ký	Đạt tiêu chuẩn	Tỷ lệ %
1	Thị trấn Mỹ An	4	4	3	75%				
2	Xã Hưng Thạnh					5	5	5	100%
3	Xã Trường Xuân					6	6	5	83%
4	Xã Mỹ Hòa					5	5	5	100%
5	Xã Tân Kiều					4	4	4	100%
6	Đốc Binh Kiều					5	5	5	100%
7	Xã Mỹ An					5	5	5	100%
8	Xã Phú Điền					4	4	3	75%
9	Xã Thanh Mỹ					4	4	4	100%
10	Xã Mỹ Quý					7	7	7	100%
11	Xã Mỹ Đông					5	5	5	100%
12	Xã Láng Biền					4	4	4	100%
13	Xã Thạnh Lợi					4	4	4	100%
<b>Tổng cộng</b>		4	4	3	75%	58	58	56	97%

**Biểu 3. Số liệu Xã văn hóa nông thôn mới, Phường, thị trấn văn minh đô thị năm 2022**

TT	Xã, phường, thị trấn	Xã văn hóa nông thôn mới; phường, thị trấn văn minh đô thị							
		Xã văn hóa nông thôn mới				Phường, thị trấn văn minh đô thị			
		Đăng ký	Đạt chuẩn	Số năm đạt chuẩn	Tỷ lệ %	Đăng ký	Đạt chuẩn	Số năm đạt chuẩn	Tỷ lệ %
1	Thị trấn Mỹ An					1	1	10	100%
2	Xã Hưng Thạnh	1	1	8 (đạt chuẩn năm thứ 2 trong giai đoạn 5 năm)					
3	Xã Trường Xuân	1	1	9 (đạt chuẩn năm thứ 2 trong giai đoạn 5 năm)					
4	Xã Mỹ Hòa	1	1	7 (đạt chuẩn năm thứ 2 trong giai đoạn 5 năm)					
5	Xã Tân Kiều	1	1	7 (đạt chuẩn năm thứ 2 trong giai đoạn 5 năm)					
6	Độc Bình Kiều	1	1	2 (đạt chuẩn 2 năm)					
7	Xã Mỹ An	1	1	11 (đạt chuẩn năm thứ 2 trong giai đoạn 5 năm)					
8	Xã Phú Điền	1	1	9 (đạt chuẩn năm thứ 2 trong giai đoạn 5 năm)					
9	Xã Thanh Mỹ	1	1	13 (đạt chuẩn năm thứ 2 trong giai đoạn 5 năm)					
10	Xã Mỹ Quý	1	1	2 (đạt chuẩn 2 năm)					
11	Xã Mỹ Đông	1	1	14 (đạt chuẩn năm thứ 2 trong giai đoạn 5 năm)					
12	Xã Láng Biên	1	1	8 (đạt chuẩn năm thứ 2 trong giai đoạn 5 năm)					
13	Xã Thạnh Lợi	1	1	2 (đạt chuẩn 2 năm)					
<b>Tổng số</b>		<b>12</b>	<b>12</b>			<b>1</b>	<b>1</b>	<b>10</b>	<b>100%</b>